

**TÒA ÁN NHÂN NHÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2017/DS-PT

Ngày: 28 - 11 - 2017

V/v tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Thúy;**

Các Thẩm phán:

Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương;**

Bà **Trần Thị Kim Em.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Liễu Hạnh**-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông **Võ Trung Hiếu**-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27 và 28 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2017/TLPT- DS ngày 27 tháng 7 năm 2017 về việc tranh chấp: “Quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 192/2017/QĐPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1937;

Địa chỉ: 189, khu phố A, phường B, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện của bà Nguyễn Thị H là ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1975 ;(có mặt) theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 07/10/2015, số công chứng 286, quyền số 01/TP-CC-SCC-HĐGD. (có mặt)

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố D, phường E, Thành phố G, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ tạm trú: 151 ấp H, xã I, huyện K, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: Quốc lộ L, ấp M, xã N, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: khu phố A, phường B, Thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với nguyên đơn:

- Bà **Võ Thị S**, sinh năm 1961;
- Bà **Võ Thị M**, sinh năm 1964;
- Bà **Võ Thị Bạch T**, sinh năm 1969;
- Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị S, bà Võ Thị M, bà Võ Thị Bạch T, bà Võ Thị N là ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1975; theo giấy ủy quyền được công chứng ngày 30/11/2016, số công chứng 0595, quyền số 01/2016/SCT/CK-ĐC. (có mặt)

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố D, phường E, Thành phố G, tỉnh Ninh Thuận.

Địa chỉ tạm trú: 151 ấp H, xã I, huyện K, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: Quốc lộ L, ấp M, xã N, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bị đơn:

- Bà **Nguyễn Thị Anh Đ**, sinh năm 1973; (có mặt)
- Anh **Huỳnh Xuân P**, sinh năm 2000;

Địa chỉ: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật của cháu Huỳnh Xuân P là ông Huỳnh Văn B và bà Nguyễn Thị Anh Đ.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

-**Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang**

Đại diện theo pháp luật: ông **Hà Thanh H**- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền là ông **Trần Tuấn K** - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã C theo văn bản ủy quyền số 744/UBND-NC ngày 31/12/2014; (xin vắng mặt)

Địa chỉ : khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

6. Người kháng cáo: nguyên đơn, bà **Nguyễn Thị H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày :

Nguyên trước đây ông Võ Văn T (chồng bà H) được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00352 ngày 31/8/1993 với tổng diện tích 7.673m² gồm 02 thửa :

- Thửa số 339, diện tích 5.873m² loại đất lúa;
- Thửa số 313, diện tích 1.880m² loại đất quả.

Đất tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang);

Năm 1997 ông T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn B một phần đất có diện tích ngang 08m, dài 38m, diện tích 304m², có tứ cận như sau:

Bắc giáp: lộ ấp L, xã M ;
Nam giáp: Nguyễn Văn Luông;
Đông giáp: Võ Văn T;
Tây giáp: Nguyễn Thị K;

Năm 1997 ông Huỳnh Văn B được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02331 thửa 1984, diện tích 304m².

Năm 1998 ông Võ Văn T chết.

Năm 2004 quyền sử dụng đất của ông T được bà Nguyễn Thị H đại diện hộ gia đình đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00447 ngày 25/10/2004 gồm 03 thửa: thửa 314 tờ bản đồ số 21, diện tích 97m², mục đích LNK (đất cây lâu năm khác), thửa 316, diện tích 5.940m², tờ bản đồ số 21, mục đích sử dụng đất lúa và thửa 151, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.874m² (trong đó 300m² đất thổ cư và 1.574m² đất vườn).

Tháng 10/2004 bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng cho bà Lê Thị B phần đất diện tích 459,5m² nằm trong thửa số 151, lúc này thửa số 151 được tách thành hai thửa mới là thửa số 239, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.414,5m² do bà Nguyễn Thị H đứng tên và thửa số 240, tờ bản đồ số 30, diện tích 459,5m² do bà Lê Thị B đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007.

Năm 2008 các thửa đất của bà Nguyễn Thị H đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00447 ngày 25/10/2004 được cấp đổi thành 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể :

- Thửa số 314, tờ bản đồ số 21, diện tích 97m² đất trồng cây lâu năm khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05046 ngày 21/02/2008 ;
- Thửa số 316, tờ bản đồ số 21, diện tích 5.940m² đất chuyên trồng lúa nước, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05047 ngày 21/02/ 2008.
- Thửa đất số 239, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.414,5m² trong đó đất ở tại nông thôn là 300m², đất trồng cây lâu năm khác là 1.114,5m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05044 ngày 21/2/2008.

Tháng 4 năm 2014 ông Huỳnh Văn B xây dựng nhà trên phần đất thửa số 14, tờ bản đồ số 33 thì bà H phát hiện ra ông B đã xây dựng lấn chiếm qua phần đất của bà ngang 02m, dài 38m, diện tích 76m².

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết :

Buộc ông Huỳnh Văn B trả lại cho bà phần đất ngang 2m, dài 38m, diện tích 76m², thuộc thửa số 14, tờ bản đồ số 33, được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03606 ngày 07/7/2006 do hộ ông Huỳnh Văn B đứng tên với lý do :

+Khi ông T chuyển nhượng cho ông B thì diện tích thỏa thuận chuyển nhượng chỉ có 304m², nhưng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03606 ngày 7/7/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã C cấp cho hộ ông Huỳnh Văn B có diện tích là 339m² tăng lên 35m² là không hợp lý.

+Thửa đất số 313 diện tích 1800m² được chuyển đổi thành thửa 239, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.114,5m² đất trồng cây lâu năm và thửa số 314, tờ bản đồ số 21, diện tích 97m² đất trồng cây lâu năm khác nên Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 314 tờ bản đồ số 21 diện tích 97m² đất trồng cây lâu năm khác cho bà là không đúng vì vị trí, tờ bản đồ của thửa này hiện nay là đất ruộng, đáng lý ra thửa này phải được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa mà bà H đang tranh chấp với ông B.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03606 ngày 07/7/2006 của Ủy ban nhân dân thị xã C cấp cho hộ ông Huỳnh Văn B.

Bị đơn ông Huỳnh Văn B trình bày:

Năm 1997 bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn T có chuyển nhượng cho ông phần đất vườn ngang 8m, dài 38m, diện tích 304m² với giá 27 chỉ vàng 24k. Cùng thời điểm này ông có nhận chuyển nhượng luôn của bà K 01 cái ao liền ranh với đất của ông T với giá 3 chỉ vàng 24k. Do bà K và bà H là hai chị em ruột nên làm chung một giấy mua bán. Sau khi chuyển nhượng, ông đã làm thủ tục và được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vài năm sau thì địa chính đo lại toàn bộ đất của xã M trong đó có đất của ông nên ông được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới với diện tích 339m². Tuy nhiên diện tích thực tế ông đang sử dụng ít hơn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì làm kênh công cộng. Do đó, ông không đồng ý trả phần đất ngang 2m, dài 38m, diện tích 76m² theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H vì ông không có lần chiếm, từ lúc mua ông đã sử dụng không có tranh chấp gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Anh Đ: Thống nhất với lời trình bày của ông Huỳnh Văn B, không có ý kiến gì khác.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị S, bà Võ Thị M, bà Võ Thị Bạch T, chị Võ Thị N là ông Nguyễn Văn H: Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã C trình bày: Việc Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03606 thửa đất số 14 tờ bản đồ số 33 diện tích 339m² loại đất ONT+CLN tọa lạc tại ấp L, xã M (nay là khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang) cho hộ ông Huỳnh Văn B vào ngày 7/7/2006 là do ông B thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02331 cấp theo tài liệu số 299, có số thửa 1984 diện tích 304m² loại đất quả sang tài liệu đo đạc mới của Xí nghiệp Trắc địa 301 thực hiện. Đồng thời Ủy ban nhân dân thị xã C đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 09 tháng 6 năm 2017, của Tòa án nhân dân thị xã C đã quyết định:

Áp dụng Điều 34, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Áp dụng Điều 255, 256 và điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 48, Điều 50, Điều 105 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính,

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự theo qui định pháp luật.

Ngày 22/6/2017 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, bà yêu cầu ông Huỳnh Văn B trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của bà ở phía Đông có diện tích 76m² (chiều ngang 02m, chiều dài 38m) thuộc thửa 14 (trước đây là thửa 313) tờ bản đồ số 33 do hộ ông Huỳnh Văn B đứng tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đòi ông Huỳnh Văn B trả cho bà H phần đất ngang 2m, dài 38m, diện tích 76m² nằm trong thửa 14, tờ bản đồ số 33 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03606 do Ủy ban nhân dân thị xã C cấp ngày 07/7/2006 cho hộ ông Huỳnh Văn B.

Bị đơn ông Huỳnh Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Anh Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng qui định pháp luật, Kiểm sát viên không kiến nghị gì. Với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, nghe đương sự trình bày thêm tại phiên tòa phúc thẩm, qua tranh luận và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Về quan hệ pháp luật đương sự yêu cầu giải quyết: Tòa án sơ thẩm xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất là đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc phạm vi điều chỉnh bởi các Điều 166, 170 và 202 của Luật đất đai năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 7 Điều 25 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 được sửa đổi bổ sung năm 2011.

Về nội dung kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn B trả lại cho bà H phần đất ngang 2m dài 38m, diện tích 76m² thuộc

thửa số 14 tờ bản đồ số 33 do Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03606 ngày 7/7/2006 cho hộ ông Huỳnh Văn B đứng tên.

Hội đồng xét xử nhận định:

Theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn T (chồng bà Nguyễn Thị H) với ông Huỳnh Văn B ký kết ngày 18/6/1997 diện tích 304m² thuộc thửa 313 có tổng diện tích 1.800m². Sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông T, ông B làm thủ tục đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02331 thành thửa 1984. Năm 2001 xí nghiệp trắc địa 301 đo đạc lại diện tích đất của ông B đang sử dụng ghi nhận diện tích 339m². Căn cứ vào kết quả đo đạc của xí nghiệp trắc địa ông B tiến hành đăng ký cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 14 tờ bản đồ số 33, diện tích 339m².

Theo kết luận số 01/KL-UBND ngày 03/4/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã C (bút lục 212-214) có nội dung như sau: “ Khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B thì trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 1997 không thể hiện hình thể, kích thước trên giấy, chỉ thể hiện tổng diện tích, vị trí, loại đất... nên khi đo đạc bản đồ địa chính theo công nghệ mới và tiến hành đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đồng loạt trên địa bàn thị xã C thì nhiều trường hợp được cấp đổi có thay đổi tăng hoặc giảm về tổng diện tích của thửa đất, là do đo đạc bằng máy nên độ chính xác cao, diện tích tăng giảm vẫn trong nội bộ thửa đất.... ”

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03606 ngày 07/7/2006 thửa số 14 tờ bản đồ số 33 do Ủy ban nhân dân thị xã C cấp cho ông Huỳnh Văn B có diện tích 339m² nhưng theo biên bản đo đạc của Phòng tài nguyên Môi trường thị xã C lập ngày 26/5/2014 thể hiện tứ cận như sau: Hướng Đông giáp kênh công cộng chiều dài 37m; Hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Trọng L chiều dài 37,5m; Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn L chiều dài 8,07m; Hướng Bắc giáp với đường huyện 57C chiều dài 8,40m; với tổng diện tích là 296,4m². Như vậy phần đất ông B đang sử dụng tương đối phù hợp với vị trí, tứ cận và diện tích đất ông B sang nhượng của ông Võ Văn T vào năm 1997. Mặt khác sơ đồ vị trí đất ông B đang sử dụng không có cạnh nào tiếp giáp với đất của bà H. Vì vậy việc bà H kiện đòi ông B trả lại cho bà phần đất chiều ngang 2m, chiều dài 38m bằng 76m² là không có căn cứ nên án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có cơ sở đúng pháp luật.

Bà H kháng cáo yêu cầu tòa án phúc thẩm xử buộc ông B trả lại bà 76m² đất ông B đã lấn chiếm ở phía Đông nhưng bà H không đưa ra được chứng cứ mới khác với giai đoạn sơ thẩm để chứng minh ông B đã lấn chiếm đất của bà H tiếp giáp với đất ông B ở phía Đông. Vì phía Đông đất ông B thể hiện trên sơ đồ là giáp kênh công cộng.

Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm ông H đại diện do bà H ủy quyền cho rằng phần đất mà bà H đang tranh chấp với ông B có diện tích 76m² nằm trong thửa 314 mà bà H đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên căn cứ vào các sơ đồ thửa đất, cũng như toàn bộ chứng cứ có

trong hồ sơ thể hiện thửa 314, diện tích 97m², bà H được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/02/2008 có vị trí, tứ cận không trùng với vị trí, tứ cận phần diện tích đất các đương sự đang tranh chấp.

Từ các cơ sở nhận định trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã C.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 255, Điều 256, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2017/DS-ST ngày 09-6-2017 của Tòa án nhân dân thị xã C.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 03000 ngày 19/01/2015 và biên lai thu số 0000901 ngày 22/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang, nên xem như bà H đã nộp xong tiền án phí.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 28/11/2017, có mặt ông H, ông B.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh.
- VKSND tỉnh Tiền Giang.
- TAND thị xã C.
- CCTHADS thị xã C.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Võ Thị Thu Thúy